

PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 XÃ NA RÌ (LẦN 3)
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/6/2026 của Hội đồng nhân dân xã Na Rì)

TT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2026	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	14.950,00	
1	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	2.000,00	
2	Thu tiền sử dụng đất	1.950,00	
3	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	10.000,00	
4	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh Thái Nguyên	1.000,00	

PHỤ LỤC II

BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 XÃ NA RÌ (LẦN 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/6/2026 của Hội đồng nhân dân xã Na Rì)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian khởi công và hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/ QĐ phê duyệt quyết toán/ Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn đã giao năm 2026						Kế hoạch đầu tư công năm 2026															Chủ đầu tư	Ghi chú	
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó					Kế hoạch đầu tư công trước điều chỉnh	Điều chỉnh tăng					Điều chỉnh giảm					Kế hoạch đầu tư công sau điều chỉnh						
									Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh TN	Tổng		Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh TN	Tổng	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh TN	Tổng	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh TN			Tổng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=10+11+12+13	15	16	17	18	19	20=16+17+18+19	21	22	23	24	25=21+22+23+24	26	27	28	29	30=26+27+28+29	31	32
	TỔNG SỐ							18.700,00	885,49	163,25	-	58,07	1.106,81	14.950,00	1.114,51	-	7.650,00	941,93	9.706,44	1.114,51	-	7.650,00	941,93	9.706,44	2.000,00	1.950,00	10.000,00	1.000,00	14.950,00		
	Các hoạt động kinh tế							18.700,00	885,49	163,25	-	58,07	1.106,81	14.950,00	1.114,51	-	7.650,00	941,93	9.706,44	1.114,51	-	7.650,00	941,93	9.706,44	2.000,00	1.950,00	10.000,00	1.000,00	14.950,00		
I	Giao thông							13.900,00	701,49	163,25	-	58,07	922,81	922,81	-	-	7.048,51	941,93	7.990,44	-	-	-	-	-	701,49	163,25	7.048,51	1.000,00	8.913,25		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030							13.900,00	701,49	163,25	-	58,07	922,81	922,81	-	-	7.048,51	941,93	7.990,44	-	-	-	-	-	701,49	163,25	7.048,51	1.000,00	8.913,25		
1	Sửa chữa cầu trần Nà Nôm - Hát Lài, thôn Hợp Thành	Thôn Hợp Thành, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175022	292	2026-2027	QĐ số 731/QĐ-UBND ngày 13/12/2025	2.200,00		163,25			163,25	163,25										-	-	163,25	-	-	163,25	TT Dịch vụ TH	Giữ nguyên theo QĐ số 768/QĐ-UBND ngày 19/12//2025
2	Đường liên thôn Giã Dia - Hiệp Lực	Thôn Hiệp Lực và Giã Dia, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175018	292	2026-2027	QĐ số 732/QĐ-UBND ngày 13/12/2025; QĐ số 537/QĐ-UBND ngày 08/6/2026	5.000,00	282,00				282,00	282,00			3.738,00		3.738,00					-	282,00	-	3.738,00	-	4.020,00	TT Dịch vụ TH	
3	Đường vào khu sản xuất Chang Sịọ - Bàn Chang, thôn Khuổi Po	Thôn Khuổi Po, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175019	292	2026-2027	QĐ số 733/QĐ-UBND ngày 13/12/2025; QĐ số 537/QĐ-UBND ngày 08/6/2026	2.000,00	155,00				155,00	155,00			1.000,00		1.000,00					-	155,00	-	1.000,00	-	1.155,00	TT Dịch vụ TH	
4	Đường bê tông Khuổi Kháp - Hát Ngần	Thôn Trung Thành và Pác Cáp, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175021	292	2026-2027	QĐ số 734/QĐ-UBND ngày 13/12/2025; QĐ số 539/QĐ-UBND ngày 08/6/2026	3.000,00	215,26				215,26	215,26			1.659,74		1.659,74					-	215,26	-	1.659,74	-	1.875,00	TT Dịch vụ TH	
5	Đường từ quốc lộ 3B - Mò Lềng, thôn Đồng Tiến	Thôn Đồng Tiến, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175020	292	2026-2027	QĐ số 735/QĐ-UBND ngày 13/12/2025; QĐ số 532/QĐ-UBND ngày 07/6/2026	600,00	49,23				49,23	49,23			550,77		550,77					-	49,23	-	550,77	-	600,00	TT Dịch vụ TH	
6	Xử lý sạt lở đường Cốc Kham - Phiêng Luông, thôn Hợp Thành, xã Na Rì	Thôn Hợp Thành, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8192869	292	2026	QĐ số 430/QĐ-UBND ngày 08/5/2026; QĐ số 531/QĐ-UBND ngày 06/6/2026	1.100,00				58,07	58,07	58,07			100,00	941,93	1.041,93					-	-	-	100,00	1.000,00	1.100,00	TT Dịch vụ TH	
II	Cấp nước, thoát nước							2.000,00	184,00	-	-	-	184,00	184,00	1.114,51	-	601,49	-	1.716,00	-	-	-	-	-	1.298,51	-	601,49	-	1.900,00		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030							2.000,00	184,00	-	-	-	184,00	184,00	1.114,51	-	601,49	-	1.716,00	-	-	-	-	-	1.298,51	-	601,49	-	1.900,00		

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian khởi công và hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/ QĐ phê duyệt quyết toán/ Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn đã giao năm 2026					Kế hoạch đầu tư công năm 2026															Chủ đầu tư	Ghi chú		
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó					Kế hoạch đầu tư công trước điều chỉnh	Điều chỉnh tăng					Điều chỉnh giảm					Kế hoạch đầu tư công sau điều chỉnh						
									Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh TN	Tổng		Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh TN	Tổng	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh TN	Tổng	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách năm 2025			Nguồn kinh phí hỗ trợ của Ban vận động cứu trợ tỉnh TN	Tổng
1	Hệ thống rãnh mương thoát nước Đồn Tầm - Bán Bìa	Thôn Yên Lạc, Bán Bìa, xã Na Rì	Phòng GD số 8 - KBNN KV VII	8175023	311	2026 -2027	QĐ số 736/QĐ- UBND ngày 13/12/2025; QĐ số 533/QĐ- UBND ngày 07/6/2026	2.000,00	184,00			184,00	184,00	1.114,51		601,49		1.716,00					-	1.298,51	-	601,49	-	1.900,00	TT Dịch vụ TH		
III	Quy hoạch							2.800,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1	Lập quy hoạch chung đô thị mới Na Rì, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2050		Phòng GD số 8 - KBNN KV VII			2026 -2027		2.800,00																					Phòng XD, NN&MT	Chưa đủ điều kiện phân bổ	
IV	Đư chưa phân bổ											13.843,19						-	1.114,51		7.650,00	941,93	9.706,44		1.786,75	2.350,00		4.136,75			

Ghi chú: Dự toán nguồn thu tiền sử dụng đất được giao tại Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026 là: 2.295,00 triệu đồng

Trong đó:

- Tiết kiệm 5% theo quy định tại Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc hội: 115,00 triệu đồng

- Trích 10% cho công tác đo đạc quản lý đất đai: 230,00 triệu đồng

- Chi cho đầu tư: 1.950,00 triệu đồng